TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:01/2026/HNGĐ-ST
Ngày 05-01-2026
V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Anh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Phương Hạnh

2. Bà Nguyễn Thị Thọ

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh ***tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Nguyễn Trường G – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/01/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 385/2025/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 22/12/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1981. HKTT: ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã Đ, thành phố Hồ Chí Minh). Chỗ ở hiên nay: Số I, H, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường B, thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung K, sinh năm 1980.Địa chỉ:Số I, H, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường B, thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2025, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà T và ông K là vợ chồng, chung sống năm 2011, tự nguyện, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã Đ, thành phố Hồ Chí Minh). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, cuối năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách, tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng hay cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, đã ly thân từ cuối

năm 2023 đến nay. Tình trạng mâu thuẫn đã xảy ra nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, bà T yêu cầu được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Bà T và ông K có 02 người con chung tên Nguyễn Trần Thanh N, sinh ngày 06/5/2012 và Nguyễn Trung N1, sinh ngày 18/4/2018. Bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng, cả hai con đều phát triển bình thường về mọi mặt. Ly hôn, bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con chung, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết

[2] Tại bản tự khai ngày 12/12/2025, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Trung K trình bày:

- Về hôn nhân: Đồng ý với bà T về thời gian và điều kiện kết hôn như bà T trình bày. Vợ chồng đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã Đ, thành phố Hồ Chí Minh).Trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, không chia sẻ được với nhau, vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2023 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Ông K đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: Ông K và bà T có 02 người con chung tên Nguyễn Trần Thanh N, sinh ngày 06/5/2012 và Nguyễn Trung N1, sinh ngày 18/4/2018. Bà T và ông K đang trực tiếp nuôi dưỡng, cả hai con đều phát triển bình thường về mọi mặt. Ly hôn, ông K yêu cầu được nuôi dưỡng một trong hai người con chung. Không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách đương sự, thu thập đầy đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T được ly hôn ông K; Về con chung: Giao hai con chung cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; Không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung; Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T khởi kiện ông K yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con,*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12- Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà T và ông K chung sống vợ chồng năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có đám cưới, có đăng ký kết hôn năm 2011 tại tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã Đ, thành phố Hồ Chí Minh). Do vậy, hôn nhân giữa bà T và ông K là hợp pháp.

Về mâu thuẫn: Bà T và ông K thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, phát sinh từ năm 2023. Nguyên nhân là do tư tưởng, tính cách, quan điểm sống khác nhau, không chia sẻ được với nhau.Vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2023, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc và đều mong muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân. Từ đó xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà T và ông K đồng ý thuận tình ly hôn, xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa bà T và ông K không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên công nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông K xác nhận vợ chồng có hai người con chung tên Nguyễn Trần Thanh N, sinh ngày 06/5/2012 và Nguyễn Trung N1, sinh ngày 18/4/2018. Cháu Thanh N và Trung N1 đang chung sống cùng nhau và ở cùng mẹ tại số I H, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường B, thành phố Hồ Chí Minh), cháu Thanh N đang học lớp 8 trường THCS K1, cháu T đang học lớp 2 trường tiểu học N2.

Xét thấy: Các bên đều xác nhận cuộc sống các con hiện nay phát triển bình thường về mọi mặt, ăn học đầy đủ, cả hai con đều ở chung với mẹ và do mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cháu Thanh N và T đều có nguyện vọng ở với mẹ và được sống cùng nhau, bà T cũng có công việc ổn định, có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Như vậy, để không làm xáo trộn cuộc sống của các con, để bảo đảm mọi mặt của con. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trung N1 và Thanh N cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T và ông K không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không xét đến

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn

[7] Về quyền kháng cáo**:** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19,51, 56, 57,71,72, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Trung K thuận tình ly hôn

2 - Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Trung K về việc nuôi con

Giao cho bà Trần Thị Thanh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Trần Thanh N, sinh ngày 06/5/2012 và Nguyễn Trung N1, sinh ngày 18/4/2018. Bà T và ông K không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

3- Về tài sản chung và nợ chung:Không xét đến

4 - Về án phí: Bà Trần Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0040114 ngày 20/11/2025 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố H. Bà T đã nộp đủ án phí.

5 - Về quyền kháng cáo**:** Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV 12-TP. HCM;
- THADS-TP. HCM;
- UBND xã Đất Đỏ. TP.HCM
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Nguyễn Trọng Anh